

Bản án số: 458/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17/09/2024
V/v tranh chấp về ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Đỗ Thị A.

2/ Ông Đinh Hoàng Việt.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Lê Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 245/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 453/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 245/2024/QĐHPT-ST ngày 28 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt).

Thường trú: C Khóm E, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Tạm trú: 278/32/18 T, H, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ.

Bị đơn: Ông Nguyễn Cao T, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Thường trú: 220/52 Nguyễn Tiểu L, Phường 8, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cư trú: 99/19 Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/5/2024 và lời khai tại Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc S trình bày:

Bà và ông Nguyễn Cao T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42 do Ủy ban nhân dân Phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/8/2019.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, sau đó vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn về lối sống, quan điểm sống dẫn đến bạo lực trong gia đình. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã ly thân từ năm 2022 đến nay mà không thể hàn gắn được. Do vậy, để ổn định cuộc sống, bà S yêu cầu Tòa án chấp nhận được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con chung là trẻ Nguyễn Hoàng Gia K, sinh ngày 12/5/2019, bà S nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000 đồng/tháng, cho đến khi con thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông T đến Tòa để tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp các tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của bà S.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin vắng mặt tham gia tố tụng.

Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hoà giải và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Tòa án căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Do bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị Tòa án căn cứ vào lời khai và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc S yêu cầu ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn ông Nguyễn Cao T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Quận A nên vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.1] Xét, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông **T** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[1.2] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 42 do Ủy ban nhân dân Phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/8/2019, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc S và ông Nguyễn Cao T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Xét, lời trình bày của bà S, quá trình chung sống vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn về quan điểm sống, lối sống dẫn tới bạo lực trong gia đình. Cả hai đã cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng giữa hai người không còn tình cảm, không tôn trọng và yêu thương nhau nữa. Hai người đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Bà S yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà để bà được ổn định cuộc sống.

Xét, bị đơn ông Nguyễn Cao T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải nhằm gắn kết mối quan hệ vợ chồng nhưng ông không đến, việc ông không đến Tòa cho thấy ông không còn quan tâm và mong muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với bà S nữa.

Mục đích của việc xác lập hôn nhân là nhằm gắn bó quan hệ giữa người nam và người nữ trong quan hệ vợ chồng, để họ chung sống với nhau và xây dựng gia đình bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Xét thấy quan hệ vợ chồng không còn, trách nhiệm giữa đôi bên với nhau không có nên tình trạng vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, từ những phân tích trên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về con chung: Theo lời khai và các chứng cứ do bà S cung cấp hai người có con chung là trẻ Nguyễn Hoàng Gia K, sinh ngày 12/5/2019 và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi con thành niên. Xét, trẻ K còn nhỏ, hiện nay trẻ đang được bà S chăm sóc, do vậy trẻ cần được sự chăm sóc, dạy dỗ của mẹ để trẻ phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần, ngoài ra ông T cũng không phản đối yêu cầu của bà S được trực tiếp nuôi con chung.

Xét, bà S yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ thành niên là phù hợp với quy định của pháp luật về việc cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do vậy, yêu cầu của bà S được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000 đồng/tháng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà S tự khai không có.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình:

[3.1] Bà **S** là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3.2] Ông **Nguyễn Cao T** phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị Ngọc S** được ly hôn với ông **Nguyễn Cao T**.

1.2. Về con chung: Giao con chung là trẻ **Nguyễn Hoàng Gia K**, sinh ngày 12/5/2019 cho bà **Nguyễn Thị Ngọc S** trực tiếp nuôi dưỡng. Hàng tháng, ông **T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000 (Bốn triệu) đồng, bắt đầu từ tháng 09/2024 cho đến khi con thành niên.

Kể từ ngày bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành không thi hành các khoản tiền phải nộp, thì hàng tháng phải chịu thêm số tiền lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự trên số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ông **T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người

trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà **S** khai không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà **S** chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0020346 ngày 05/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà **S** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, ông **Nguyễn Cao T** phải chịu.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc tổng đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND Quận 10;
- Chi cục THADS Q.10;
- UBND Phường 8, Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Lan